

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23247/CHQ-NVTHQ

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2025

V/v hướng dẫn vướng mắc về trị
giá tính thuế hàng xuất khẩu

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực X.

Cục Hải quan nhận được công văn số 1444/HQKV10-PT&KTSTQ ngày 12/8/2025 của Chi cục Hải quan khu vực X báo cáo vướng mắc trong việc xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu phát sinh trong quá trình kiểm tra sau thông quan. Về vấn đề này, Cục Hải quan có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 86 Luật Hải quan quy định về trị giá hải quan thì “*Trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan thì “*1. Trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế, được xác định theo trình tự các phương pháp sau:*

a) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất bao gồm giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa;”

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu:

“2. Phương pháp xác định giá bán của hàng hoá tính đến cửa khẩu xuất

a) Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất là giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với các chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa.

b) Cách thức xác định:

b.1) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu được giao tại cửa khẩu xuất: giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất là giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hóa đơn thương mại và các khoản chi phí liên quan đến hàng hóa xuất

khấu tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với các chứng từ có liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trị giá hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu là giá bán tính đến cửa khẩu xuất trên cơ sở giá bán ghi trên hợp đồng mua bán hoặc hoá đơn thương mại và các chi phí liên quan đến hàng hoá tính đến cửa khẩu xuất phù hợp với các chứng từ liên quan nếu các chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hoá, không bao gồm phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế (nếu có).

Theo trình bày của Chi cục Hải quan khu vực X, trong quá trình kiểm tra sau thông quan xác định doanh nghiệp xuất khẩu phát sinh một số khoản tiền thưởng chất lượng (quy định trên email giữa doanh nghiệp xuất khẩu và đối tác, không quy định trong hợp đồng), tiền thưởng hiệu suất (được quy định trong hợp đồng).

Căn cứ vào quy định nêu trên và thực tế hồ sơ theo báo cáo của Chi cục Hải quan khu vực X thì:

a) Đối với khoản tiền thưởng hiệu suất:

Tiền thưởng hiệu suất do người mua (người nhập khẩu) trả cho người bán (người xuất khẩu) vì người bán sắp xếp hàng hóa để đạt được số lượng nhiều nhất có thể (được thể hiện trong hợp đồng). Để được nhận tiền thưởng hiệu suất này, người bán đã phát sinh thêm các chi phí lu lèn, san ủi hàng hoá và khoản chi phí này đã được hạch toán vào chi phí xuất hàng. Do vậy, khoản tiền thưởng hiệu suất này không liên quan tới giá trị của hàng hóa, không cấu thành giá bán hàng hóa để xuất khẩu nên không phải là khoản phải cộng vào trị giá hải quan để tính thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 nêu trên.

b) Về tiền thưởng chất lượng:

Tiền thưởng chất lượng do người mua (người nhập khẩu) trả cho người bán (người xuất khẩu) vì đã sản xuất hàng hóa có các tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của người nhập khẩu. Để được nhận tiền thưởng chất lượng này, người bán đã tăng thêm chi phí sản xuất và các khoản chi phí này được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng hóa. Do vậy, khoản tiền thưởng chất lượng này liên quan đến hàng hoá xuất khẩu (chất lượng hàng hoá xuất khẩu) nhưng chưa được thể hiện trong giá bán của hàng hoá xuất khẩu tại Hợp đồng mua bán và hoá đơn thương mại nên là khoản phải cộng vào trị giá hàng hoá xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 nêu trên.

Yêu cầu Chi cục Hải quan khu vực X căn cứ các quy định nêu trên, thực tế hồ sơ xuất khẩu của doanh nghiệp để xác định trị giá hàng hoá xuất khẩu theo đúng quy định.

Cục Hải quan thông báo để Chi cục Hải quan khu vực X được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT. Lưu Mạnh Tường (đề b/c);
- Các Chi cục HQ khu vực (đề t/h);
- Chi cục KTSTQ (đề t/h);
- Lưu: VT, NVTHQ (03b).

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HQ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đào Thu Hương